UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn (Philology Education)

Mã ngành: 51140217

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành theo Quyết định số …. / QĐ-ĐHPVĐ ngày …. tháng …. năm 20… của Hiệu trưởng Đại học Phạm Văn Đồng)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo giáo viên giảng dạy môn Ngữ văn bậc Trung học cơ sở, đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của ngành giáo dục và xã hội. Đó là những người có phẩm chất chính trị tốt, thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ công dân và có phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong của nhà giáo; có kiến thức, kỹ năng giao tiếp, tìm hiểu người học và môi trường giáo dục để dạy học và giáo dục phù hợp, tổ chức tốt quá trình giáo dục hướng đến phát triển toàn diện nhân cách người học, đáp ứng được yêu cầu dạy học bộ môn; có kiến thức, kỹ năng tham gia, vận động, tuyên truyền và tổ chức các hoạt động xã hội; có kỹ năng tự đánh giá, tự học và nghiên cứu khoa học để phát triển nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của giáo dục phổ thông.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo được các yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục trong việc dạy học môn Ngữ văn ở trường THCS. Có năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục THCS về quy mô, chất lượng hiệu quả, phục vụ được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Có tiềm lực tự phát triển trình độ vốn có, vươn lên bậc cao hơn, đáp ứng những yêu cầu mới.

1.2.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng tư duy, phân tích, bình giảng những vẻ đẹp khác nhau trong văn chương; biết làm tốt công tác chủ nhiệm lớp, tổ chức được các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

1.2.3. Về thái độ

Có phẩm chất người sinh viên nhà trường Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam như thế giới quan Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lòng yêu nước, tính kiên trì với lý tưởng độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, yêu thương học sinh, yêu nghề nghiệp, say mê môn Văn học, có ý thức công dân, trách nhiệm xã hội, đạo đức, tác phong của người thầy giáo.

1.2.4. Trình độ ngoại ngữ, tin học

- Có kiến thức tiếng Anh trình độ B

- Có kiến thức tin học căn bản và sử dụng thành thạo các chương trình hỗ trợ cho việc giảng dạy.

1.2.5. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học được chuẩn bị kiến thức và phương pháp để đáp ứng các vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp như giáo viên môn Văn trường THCS, chuyên viên, cán bộ văn hóa- thông tin, đài phát thanh và có khả năng học liên thông lên bậc đại học.

2. Thời gian đào tạo: 3 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 112 tín chỉ *(không kể các nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)*

4. Đối tượng tuyển sinh: Người tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm: Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10; điểm học phần được chuyển thành điểm chữ.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khung chương trình đào tạo

TT	Nội dung	Số tín chỉ
7.1.1	**Kiến thức giáo dục đại cương** *(Không kể các học phần giáo dục thể chất và giáo dục QP-AN)*	**31**
7.1.2	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**81**
7.1.2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành, nhóm ngành và ngành	13
7.1.2.2	Kiến thức ngành	47
7.1.2.3	Kiến thức bổ trợ	2
7.1.2.4	Kiến thức nghiệp vụ sự phạm	8
7.1.2.5	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	11

7.2. Danh mục các học phần

TT	Mã học phần	Khối kiến thức/tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
A. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**31**	
A1. Lý luận chính trị			**10**	
1		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	
2		Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	1
3		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
4		Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3
A2. Khoa học xã hội			**8**	
5		Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	
6		Pháp luật đại cương	2	
7		Logic học	2	
	Các học phần tự chọn 1: chọn 1 trong 2 học phần		**2**	
8		Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
9		Nhập môn xã hội học	2	
A3. Nhân văn - nghệ thuật			**2**	
10		Đại cương mỹ học	2	
A4. Ngoại ngữ			**7**	
11		Tiếng Anh 1	3	
12		Tiếng Anh 2	2	11
13		Tiếng Anh 3	2	12
A5. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - môi trường			**4**	
14		Tin học đại cương	2	
	Các học phần tự chọn 2: chọn 1 trong 2 học phần		**2**	
15		Môi trường và con người	2	
16		Dân số - Môi trường - AIDS - Ma túy	2	
A6. Giáo dục thể chất			**90 t**	
17		Giáo dục thể chất 1	30 t	

18		Giáo dục thể chất 2	30 t	17
19		Giáo dục thể chất 3	30 t	18
A7. Giáo dục quốc phòng - an ninh			**135 t**	
20		Giáo dục quốc phòng - an ninh	135 t	
B. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			**81**	
B1. Kiến thức cơ sở khối ngành, nhóm ngành và ngành			**13**	
21		Tâm lý học đại cương	2	
22		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3	21
23		Giáo dục học đại cương	2	22
24		Hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở	2	23
25		Hoạt động giáo dục ở trường Trung học cơ sở	2	23
26		Công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	2	
B2. Kiến thức ngành			**47**	
27		Văn học dân gian	2	
28		Dẫn luận ngôn ngữ học	2	
29		Ngữ âm tiếng Việt	2	
30		Văn học Việt Nam Trung đại 1	2	27
31		Văn học Việt Nam Trung đại 2	2	30
32		Từ vựng và ngữ nghĩa tiếng Việt	2	
33		Tiếng Việt thực hành và văn bản tiếng Việt	2	
34		Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1932	2	31
35		Văn học Việt Nam từ 1932 đến 1945	2	
36		Ngữ pháp tiếng Việt và ngữ dụng học	4	32
37		Phong cách học tiếng Việt	2	
38		Đọc văn và làm văn	2	
39		Hán Nôm 1: Hán văn Trung Quốc và Hán văn Việt Nam	2	
40		Hán Nôm 2: Chữ Nôm	2	39
41		Văn học Việt Nam hiện đại 2a	3	
42		Văn học Việt Nam hiện đại 2b	2	41
43		Văn học thế giới 1	4	
44		Văn học thế giới 2	4	43

45		Lý luận văn học 1: Nguyên lý lý luận văn học và bài tập nghiên cứu khoa học	2	
46		Lý luận văn học 2: Tác phẩm, thể loại - Tiến trình, phương pháp sáng tác	2	45
B3. Kiến thức bổ trợ			**2**	
47		Văn học địa phương	2	
B4. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			**8**	
48		Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Ngữ văn	2	
49		Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương	2	Các HP Văn
50		Phương pháp dạy học tiếng Việt	2	Các HP Văn
51		Phương pháp dạy học tập làm văn	2	Các HP Văn
B5. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			**11**	
52		Thực tập sư phạm 1	2	
53		Thực tập sư phạm 2	4	
54		Khóa luận tốt nghiệp	**5**	
55		Đặc điểm văn học Việt Nam *(Học phần thay khoá luận tốt nghiệp 1)*	3	
56		Mỹ học tiếp nhận văn học *(Học phần thay khoá luận tốt nghiệp 2)*	2	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**112**	

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Năm học	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại tín chỉ	Giờ học		Thực tập tại cơ sở	Tiểu luận, Bài tập lớn, đồ án, khóa luận	Tự học	Học phần tiên quyết
						LT	TH, TNg, Thảo luận				
		1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	bb	30				60	
		17	Giáo dục thể chất 1	30t	bb	5	25			30	
		11	Tiếng Anh 1	3	bb	42	6			90	

Thứ nhất	**I**	21	Tâm lý học đại cương	2	bb	30				60	
		27	Văn học dân gian	2	bb	30				60	
		28	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	bb	30				60	
		29	Ngữ âm tiếng Việt	2	bb	30				60	
		45	Lý luận văn học 1 (Nguyên lý lý luận văn học và Bài tập nghiên cứu khoa học)	2	bb	30				60	
		10	Đại cương mỹ học	2	bb	30				60	
		Cộng		**17**							
	II	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	bb	45				90	1
		12	Tiếng Anh 2	2	bb	28	4			60	11
		18	Giáo dục thể chất 2	30t	bb		30			30	17
		20	Giáo dục quốc phòng - an ninh	135t	bb	117	18				
		14	Tin học đại cương	2	bb	15	30			30	
		22	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3	bb	45				90	21
		33	Tiếng Việt thực hành và văn bản tiếng Việt	2	bb	30				60	
		32	Từ vựng và ngữ nghĩa tiếng Việt	2	bb	30				60	
		30	Văn học Việt Nam trung đại 1	2	bb	30				60	27
		Các học phần tự chọn 1: Chọn 1 trong 2 học phần 8 hoặc 9									
		8	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	tc	30				60	

		9	Nhập môn xã hội học	2	tc	30				60	
			Cộng	**18**							
Thứ hai	**III**	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	bb	30				60	2
		19	Giáo dục thể chất 3	30 t	bb		30			30	18
		23	Giáo dục học đại cương	2	bb	30				60	22
		24	Hoạt động dạy học ở trường Trung học cơ sở	2	bb	30				60	23
		26	Công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh	2	bb	30				60	
		13	Tiếng Anh 3	2	bb	28	4			60	12
		43	Văn học thế giới 1	4	bb	60				120	
		39	Hán Nôm 1: Hán văn Trung Quốc và Hán văn Việt Nam	2	bb	30				60	
		31	Văn học Việt Nam trung đại 2	2	bb	30				60	30
		Các học phần tự chọn 2: Chọn 1 trong 2 học phần 15 hoặc 16									
		15	Môi trường và con người	2	tc	30				60	
		16	Dân số - Môi trường - AIDS - Ma túy	2	tc	30				60	
			Cộng	**20**							
	IV	4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	bb	45				90	3
		6	Pháp luật đại cương	2	bb	30				60	
		25	Hoạt động giáo dục ở trường	2	bb	30				60	23

			Trung học cơ sở								
		40	Hán Nôm 2: Chữ Nôm	2	bb	30				60	39
		34	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến 1932	2	bb	30				60	31
		51	Phương pháp dạy học tập làm văn	2	bb	30				60	
		36	Ngữ pháp tiếng Việt và ngữ dụng học	4	bb	60				120	32
		52	Thực tập sư phạm 1	2	bb			90			
			Cộng	**19**							
Thứ ba	**V**	5	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo	2	bb	30				60	
		48	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Ngữ văn	2	bb	30				60	
		44	Văn học thế giới 2	4	bb	60				120	43
		46	Lý luận văn học 2 (Tác phẩm, thể loại - Tiến trình, phương pháp sáng tác)	2	bb	30				60	45
		50	Phương pháp dạy học tiếng Việt	2	bb	30				60	
		49	Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương	2	bb	30				60	
		38	Đọc văn và làm văn	2	bb	30				60	
		47	Văn học địa phương	2	bb	30				60	
		35	Văn học Việt Nam từ 1932 đến 1945	2	bb	30				60	

		Cộng		**20**							
	VI	7	Lôgic học	2	bb	30				60	
		41	Văn học Việt Nam hiện đại 2a	3	bb	45				90	
		42	Văn học Việt Nam hiện đại 2b	2	bb	30				60	41
		37	Phong cách học tiếng Việt	2	bb	30				60	
		53	Thực tập sư phạm 2	4	bb			180			
		54	Khóa luận tốt nghiệp	5					225		
		Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:									
		55	Đặc điểm văn học Việt Nam	3		45				90	
		56	Mỹ học tiếp nhận văn học	2		30				60	
		Cộng		**18**							
Tổng cộng				**112**							

9. Mô tả tóm tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản nhất của Triết học Mác Lênin – Một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là, chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân của thế giới quan khoa học; là phép biện chứng duy vật với tư cách là học thuyết đúng đắn nhất về lý luận nhận thức; là chủ nghĩa duy vật lịch sử với tư cách là hệ thống các quan điểm duy vật biện chứng về xã hội, các quan điểm này đã làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực và những quy luật chung của sự vận động và phát triển của xã hội loài người.

Thông qua môn học giúp sinh viên hiểu rõ nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, đồng thời trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng nhất trong thời đại ngày nay để vận dụng vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 ***(3 tín chỉ)***

Sinh viên tiếp tục được trang bị lý luận cơ bản của hai trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin là Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Bộ phận Kinh tế chính trị cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận về: Giá trị, Giá trị thặng dư, các quy luật của kinh tế thị trường, về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa giúp sinh viên nhận biết bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản.

Bộ phận Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận về: vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về cách mạng xã hội chủ nghĩa – là phương thức để xóa bỏ triệt để chế độ áp bức, bóc lột; về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Học phần này góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận quan trọng nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, nối tiếp việc hình thành, hoàn thiện thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp luận khoa học, bước đầu xây dựng lý tưởng và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng nước ta.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh một cách hệ thống. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin đã trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới đất nước. Thực chất tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện thực tiễn sinh động của cách mạng nước ta. Việc học tập môn học này còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, lòng tự hào dân tộc và thái độ tôn trọng, kính yêu lãnh tụ Hồ Chí Minh và là cơ sở để tiếp thu kiến thức học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam ***(3 tín chỉ)***

Sinh viên được trang bị những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá, nhận định đúng đắn về chủ trương, đường lối của Đảng đối với thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, hiểu rõ sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng ta trong việc đề ra đường lối lãnh đạo cách mạng Việt Nam trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu thực hiện theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

9.5. Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo

(2 tín chỉ)

Sinh viên có những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công tác tuyển dụng viên chức giáo viên trung học cơ sở theo quy định hiện hành; Nội dung chính của học phần bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước; Quản lý hành chính Nhà nước; Công vụ, công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ, quy chế, quy định của bộ giáo dục và đào tạo đối với giáo dục bậc trung học cơ sở; Thực tiễn giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi.

9.6. Pháp luật đại cương ***(2 tín chỉ)***

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung và những vấn đề lý luận cơ sở trong khoa học pháp lý Việt Nam; đồng thời

giúp sinh viên hiểu biết về một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở kiến thức lý luận cơ bản, cho sinh viên có khả năng nhận biết, phân tích, đánh giá các sự kiện, hành vi, vấn đề từ góc độ pháp lý. Từ hiểu biết về các chế định luật của một số ngành luật cơ bản sinh viên có thể vận dụng vào xử lý những tình huống thiết thực nhất trong thực tiễn đời sống và tự tiếp cận với những ngành luật khác

9.7. Logic học ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên hiểu biết về lôgic học hình thức, các quy luật và hình thức cơ bản của tư duy, biết rèn luyện và nâng cao tư duy khoa học.

9.8. Cơ sở văn hóa Việt Nam ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có hiểu biết về tiến trình, đặc điểm, nội dung, vai trò của văn hóa Việt Nam trong truyền thống cũng như hiện tại. Người học hiểu được mối liên hệ của văn hóa Việt Nam với các ngành học khác.

9.9. Nhập môn xã hội học ***(2 tín chỉ)***

Học phần cung cấp những nội dung: khái quát lịch sử hình thành, đối tượng chức năng của xã hội học, các phạm trù và khái niệm liên quan; một số chuyên ngành xã hội học như cơ cấu xã hội học về đô thị và nông thôn, dư luận xã hội và thông tin đại chúng, biến đổi và dự báo xã hội.

9.10. Đại cương mỹ học ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống và hiện đại về mỹ học. Người học có quan điểm, ý thức và khả năng đánh giá cũng như cảm thụ cái đẹp trong cuộc sống xã hội, đời sống tự nhiên và trong nghệ thuật, nhất là đối với văn chương.

9.11. Tiếng Anh 1 ***(3 tín chỉ)***

Sinh viên làm quen với mẫu tự, cách phát âm, ngữ điệu của tiếng Anh. Sinh viên biết nói một số câu đơn giản. Sinh viên có thể viết một số câu đơn giản, chia động từ ở thì hiện tại.

9.12. Tiếng Anh 2 ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên biết cách hỏi và trả lời câu hỏi. Sinh viên biết cách đề nghị, từ chối, chấp thuận, vạch kế hoạch. Sinh viên có thể viết các câu ghép, chia động từ ở thì tương lai. Sinh viên đạt trình độ A1 của chuẩn Châu Âu.

9.13. Tiếng Anh 3 ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên làm quen với các bài khóa từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên biết cách giải thích, biện luận đơn giản. Sinh viên biết hòa hợp giữa chủ từ và động từ, chia động từ ở thì quá khứ. Sinh viên đạt trình độ A2 của chuẩn Châu Âu.

9.14. Tin học đại cương ***(2 tín chỉ)***

Phần lý thuyết: Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản: thông tin, tin học, máy tính điện tử, hệ điều hành, các loại phần mềm thông dụng, mạng máy tính, Internet. Những kiến thức về phần mềm xử lý văn bản word, phần mềm bảng tính excel, phần mềm trình diễn power point.

Phần thực hành: Sinh viên được hướng dẫn thực hiện các thao tác cơ bản trên hệ điều hành window, word, excel, power point và ứng dụng nó để giải quyết các công việc soạn giáo án, lập bảng điểm, soạn bài giảng điện tử phục vụ cho công tác giảng dạy.

9.15. Môi trường và con người ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được cung cấp những khái niệm cơ bản về môi trường, kiến thức cơ sở về các thành phần chủ yếu của môi trường Trái Đất, các nguyên lý sinh thái học, về tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, công nghệ môi trường, quản lý môi trường, những vấn đề cơ bản của môi trường và phát triển bền vững của con người.

9.16. Dân số - Môi trường – AIDS – Ma túy ***(2 tín chỉ)***

Học phần cung cấp cho SV kiến thức về dân số, môi trường, AIDS, ma túy. Những tác hại to lớn hiểm họa do ma túy, AIDS gây ra và các biện pháp phòng chống, ngăn ngừa.

9.17. Giáo dục thể chất 1 ***(30 tiết)***

Nội dung học phần giúp sinh viên hiểu rõ về ảnh hưởng, tác dụng của luyện tập thể dục thể thao đối với cơ thể con người, các yếu tố vệ sinh trong tập luyện để nâng cao sức khoẻ. Biết cách hướng dẫn và phòng tránh một số bệnh thường xảy ra trong học đường: phòng và chống bệnh cong vẹo cột sống, bệnh cận thị, đồng thời một số phương pháp đơn giản để hướng dẫn cho học sinh và tự tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khoẻ.

9.18. Giáo dục thể chất 2 ***(30 tiết)***

Sinh viên được trang bị những hiểu biết và lợi ích, tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy dây ngắn và các bài thể dục đồng diễn đơn giản để có thể hướng dẫn cho học sinh và tập luyện nâng cao sức khoẻ.

9.19. Giáo dục thể chất 3 ***(30 tiết)***

Sinh viên được trang bị những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn Cầu lông và Bóng chuyền, luật thi đấu, cách tổ chức, trọng tài.

9.20. Giáo dục quốc phòng – an ninh ***(135 tiết)***

Điều kiện tiên quyết: Không.

Gồm 3 học phần:

*** Học phần I: 45 tiết**

Đường lối quân sự Việt Nam đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: Những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân nhân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

*** Học phần II: 45 tiết**

Công tác quốc phòng, an ninh được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập về một số vấn đề dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

*** Học phần III: 45 tiết**

Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41, đặc điểm, tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hoá học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Nội dung gồm: đội ngũ đơn vị; sử dụng bản đồ địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh, thuốc nổ, phòng chống vũ khí huỷ diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương và giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

9.21. Tâm lý học đại cương ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có hiểu biết cơ bản về tâm lý học đại cương, tạo cơ sở cho việc học tập các học phần kế sau như: tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, các học phần giáo dục, các học phần rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên. Sinh viên có thể tự nghiệm sinh, tự tạo kỹ năng nghiên cứu bước đầu đối với tâm lý người.

9.22. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm ***(3 tín chỉ)***

Sinh viên hiểu biết những vấn đề lý luận cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: lý luận chung về sự phát triển tâm lý người theo các lứa tuổi, các giai đoạn, các thời kỳ phát triển tâm lý con người, trong đó, đi sâu vào đặc điểm tâm lý học sinh THCS. Sinh viên hiểu được tâm lý học của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và người thầy giáo THCS.

9.23. Giáo dục học đại cương ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có kiến thức cơ bản, đại cương về giáo dục học: các khái niệm, các phạm trù, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học, làm cơ sở cho việc học tập các học phần: hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm.

9.24. Hoạt động dạy học ở trường THCS ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có những khái niệm, phạm trù cơ bản của lý luận dạy học đại cương, các đặc điểm cơ bản của hoạt động dạy học ở trường THCS, giúp sinh viên có kỹ năng vận dụng những kiến thức lý luận dạy học vào việc rèn luyện kỹ năng dạy học ở trường THCS, vận dụng vào việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức và phương tiện dạy học ở trường THCS.

9.25. Hoạt động giáo dục ở trường THCS ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có những kiến thức cơ bản về quá trình, nguyên tắc và phương pháp giáo dục cũng như những kiến thức về việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường THCS, các kỹ năng tổ chức, triển khai, đánh giá, kết hợp các hoạt động giáo dục ở trường THCS.

9.26. Công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, công tác phụ trách Đội, tổng phụ trách Đội.

9.27. Văn học dân gian ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có hiểu biết về nội dung, thi pháp các thể loại văn học dân gian, có kỹ năng hướng dẫn học sinh biết cách sưu tầm, phân loại văn học dân gian địa phương.

9.28. Dẫn luận ngôn ngữ học ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có những kiến thức nền tảng về ngôn ngữ học để làm cơ sở học tiếp các học phần ngôn ngữ học cụ thể về sau như: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách, ngữ dụng.

9.29. Ngữ âm Tiếng Việt ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được trang bị những khái niệm cơ bản về ngữ âm cũng như các quy tắc phân định âm vị và các thế đối lập âm vị trong ngôn ngữ và trong Tiếng Việt. Trên cơ sở đó, đi sâu phân tích cấu trúc âm tiết Tiếng Việt và chỉ ra đặc trưng loại hình ngôn ngữ Tiếng Việt. Sinh viên còn nắm thêm các vấn đề liên quan như chính âm, chữ viết, chính tả.

9.30. Văn học Việt Nam Trung đại 1 ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được trang bị những kiến thức về sự phát triển của văn học Việt Nam Trung đại 1: các bộ phận văn học, các giai đoạn phát triển, những thể loại chính, nội dung chủ yếu và tư tưởng thẩm mỹ chủ đạo; các hiện tượng văn học, các tác giả tiêu biểu thời Lý- Trần, nội dung và nghệ thuật của văn học thế kỷ XV, XVI và XVII. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng phân tích tác phẩm văn học thời Trung đại, trong đó có phương pháp giảng dạy thơ Thiền.

9.31. Văn học Việt Nam Trung đại 2 ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam từ thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX: trào lưu nhân đạo chủ nghĩa, những thành tựu của văn học Hán, văn học Nôm, thành tựu nghệ thuật rực rỡ của thể loại văn học dân tộc viết bằng ngôn ngữ dân tộc. Người học nắm được các tác giả tiêu biểu, có kỹ năng phân tích tác phẩm văn học Việt Nam Trung đại 2.

9.32. Từ vựng và ngữ nghĩa Tiếng Việt ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có kiến thức về từ vựng- ngữ nghĩa Tiếng Việt, có kỹ năng phân tích văn học theo hướng tích hợp.

9.33. Tiếng Việt thực hành và văn bản Tiếng Việt ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được rèn luyện và nâng cao kỹ năng sử dụng Tiếng Việt trong các hoạt động dùng từ, đặt câu, tạo lập văn bản và có kỹ năng sử dụng, luyện tập Tiếng Việt

cho học sinh. Sinh viên có hiểu biết về các đơn vị, các quan hệ cốt lõi về hình thức và nội dung của văn bản và hiểu biết các loại hình văn bản như: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết trình,…

9.34. Văn học Việt Nam từ đầu TK XX đến 1932 ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có những kiến thức về Văn học Việt Nam những thập niên đầu thế kỷ XX với các đặc điểm, diện mạo, nội dung và thi pháp.

9.35. Văn học Việt Nam từ 1932 đến 1945 ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có những kiến thức về sự cách tân Văn học Việt Nam trong điều kiện mới của lịch sử, văn hóa, chính trị. Sinh viên hiểu biết các trào lưu, trường phái Văn học như vô sản, hiện thực, hiện thực phê phán, lãng mạn.

9.36. Ngữ pháp Tiếng Việt và Ngữ dụng học ***(4 tín chỉ)***

Sinh viên có kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ pháp Tiếng Việt như từ pháp, cú pháp, dụng pháp và các kiến thức về hành động nói, chiếu vật, chỉ xuất, lí thuyết lập luận, hội thoại, nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn...

9.37. Phong cách học Tiếng Việt ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có được những tri thức về phong cách, tu từ và phương pháp phân tích tu từ học các văn bản để biết vận dụng vào việc đọc, hiểu tác phẩm văn chương.

9.38. Đọc văn và làm văn ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có được tri thức cơ bản về về đọc hiểu văn bản văn học, rèn luyện kỹ năng đọc văn theo thể loại, thấy được việc đọc hiểu là quan trọng. Sinh viên nắm được hệ thống tri thức cơ bản về điều kiện, quy trình và cách làm các loại văn bản thông dụng trong nhà trường và trong đời sống, nhằm tạo tiềm năng dạy học có chất lượng cho môn Tập làm văn.

9.39. Hán Nôm 1: Hán văn Trung Quốc và Hán văn Việt Nam ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về đặc điểm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa Hán văn Trung Quốc và Việt Nam. Người học được tiếp xúc với những tác phẩm kinh điển của văn học Trung Quốc cổ đại và văn học Việt Nam thời Trung đại, đồng thời được trang bị kỹ năng phân tích văn bản, minh giải tác phẩm từ góc độ từ và ngữ.

9.40. Hán Nôm 2: Chữ Nôm ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và đặc điểm của văn bản chữ Nôm Việt Nam. Người học được tiếp cận với những văn bản, tác phẩm chữ Nôm tiêu biểu của văn học Trung đại Việt Nam.

9.41. Văn học Việt Nam hiện đại 2a ***(3 tín chỉ)***

Sinh viên có những kiến thức cơ bản nhất về nền văn học cách mạng vô sản với các tác giả, tác phẩm tiêu biểu qua hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Người học hiểu được những đặc điểm của chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa nhân đạo mới trong các thành tựu văn học.

9.42. Văn học Việt Nam hiện đại 2b ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có những hiểu biết về sự đổi mới trên bình diện nội dung và thi pháp của Văn học sau 1975, nhất là từ sau 1986. Người học hiểu biết được những cơ sở xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa của sự cách tân văn học.

9.43. Văn học Thế giới 1 ***(4 tín chỉ)***

Sinh viên có những tri thức cơ bản về các thành tựu tiêu biểu, về tác giả, về các giai đoạn của nền Văn học Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và các nước đồng văn, lân cận. Người học hiểu được quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa, văn học của Việt Nam trong khu vực.

9.44. Văn học Thế giới 2 ***(4 tín chỉ)***

Sinh viên có những tri thức cơ bản về nền văn học Nga, nền văn học Phương Tây với nhiều tác giả, tác phẩm, các giai đoạn tiêu biểu. Sinh viên biết vận dụng, tự bổ sung kiến thức các nền văn học ấy.

9.45. Lý luận văn học 1: Nguyên lý Lí luận văn học và Bài tập nghiên cứu khoa học ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được trang bị những kiến thức về đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu lý luận văn học; văn học là một hình thái ý thức thẩm mỹ; mối quan hệ giữa văn học và cuộc sống con người, xã hội; văn học- nghệ thuật ngôn từ, quá trình sang tạo văn học, tiếp nhận văn học, phê bình văn học và các chức năng văn học. Sinh viên còn được trang bị những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, các yêu cầu của tiến trình nghiên cứu một đề tài khoa học cơ bản hoặc khoa học giáo dục và đạo đức của người nghiên cứu khoa học.

9.46 Lý luận văn học 2: Tác phẩm, thể loại - Tiến trình và phương pháp sáng tác ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về tác phẩm văn học, thể loại văn học, tiến trình văn học và các phương pháp sáng tác văn học trong lịch sử. Trên cơ sở đó, người học vận dụng lý luận văn học để phân tích tác phẩm văn học.

9.47. Văn học địa phương ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về văn học dân gian và văn học viết của tỉnh Quảng Ngãi qua suốt chiều dài lịch sử từ khi hình thành xứ sở. Người học sẽ nắm được mối quan hệ giữa văn học với lịch sử, văn hóa, địa lý của xứ sở, đồng thời nắm được những tác giả, tác phẩm qua các thời kỳ văn học cụ thể.

9.48. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm Ngữ văn ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ dạy bộ môn (phân tích chương trình, soạn bài, đặt câu hỏi, ra bài tập, xây dựng tình huống và đánh giá kết quả học tập).

Sinh viên rèn luyện phong cách văn hóa sư phạm trong giao tiếp, nắm được kỹ năng giáo dục, dạy học ở phổ thông với những công việc cụ thể như: xử lý tình huống giáo dục, lập kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp, dự giờ, tìm hiểu Hội thi NVSP.

9.49. Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có những kiến thức cơ bản và có hệ thống về lý luận dạy học của bộ môn Ngữ văn. Người học hình thành được kỹ năng thực hành tương ứng với các vấn đề lý luận dạy học bộ môn.

9.50. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên nắm được các nguyên tắc và phương pháp dạy học Tiếng Việt; nhận thức được phương pháp dạy các học phần: phong cách học, luyện tập từ ngữ, ngữ pháp.

9.51. Phương pháp dạy học Tập làm văn ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên có những kiến thức cơ bản, cụ thể về lý luận dạy học của bộ môn Tập làm văn. Người học biết thiết kế bài học và cách dạy làm văn cho học sinh.

9.52. Thực tập sư phạm 1 ***(2 tín chỉ)***

Học phần nhằm củng cố và khắc sâu lý thuyết ở các học phần tâm lí học, giáo dục học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong Thực tập sư phạm 1: tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường THCS, tập làm công tác dạy học, công tác chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành tâm lí – giáo dục.

9.53. Thực tập sư phạm 2 ***(4 tín chỉ)***

Học phần nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức lý thuyết về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tâm lí học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh, tiếp tục rèn luyện kỹ năng dạy học, giáo dục, kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục.

9.54. Khóa luận tốt nghiệp ***(5 tín chỉ)***

Sinh viên hội đủ điều kiện theo quy định của Nhà trường sẽ được làm khóa luận tốt nghiệp, nội dung đề tài khóa luận tốt nghiệp sẽ do Khoa Sư phạm Xã hội và Tổ Ngữ Văn quyết định; sinh viên không hội đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học 2 học phần thay thế.

9.55. Đặc điểm văn học Việt Nam (Học phần 1 thay thế KLTN) ***(3 tín chỉ)***

Sinh viên được trang bị kiến thức căn bản về những đặc điểm văn học Việt Nam qua trường kỳ lịch sử dân tộc. Người học sẽ nắm được mối quan hệ giữa văn học và lịch sử, các đặc điểm yêu nước, nhân đạo, tiếp biến trong văn học Việt Nam.

9.56. Mỹ học tiếp nhận văn học (Học phần 2 thay thế KLTN) ***(2 tín chỉ)***

Sinh viên được trang bị những kiến thức mới mẻ về nghiên cứu văn học hiện đại: tác phẩm văn học là một quá trình. Ở đó, người đọc- hiểu tự do cảm nhận bằng kinh nghiệm thẩm mỹ cá nhân, không phụ thuộc ý đồ tác giả. Tính đa nghĩa thẩm mỹ sẽ tăng lên và tác phẩm văn học sẽ tìm gặp người đọc- hiểu lý tưởng.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Năm	Văn bằng cao nhất,	Học phần sẽ giảng dạy

		sinh	ngành đào tạo	
1	Nguyễn Diên Xướng	1959	TS. Ngữ văn	- Văn học Việt Nam, - Mỹ học, - Bài tập NCKH, - Dẫn luận ngôn ngữ, - Lý luận văn học, - Văn hóa học, - Thi pháp học.
5	Nguyễn Thị Hồng Huệ	1966	ThS. Ngôn ngữ	- Tiếng Việt thực hành, - Phong cách học, - Ngữ dụng học
6	Nguyễn Ngọc Như Ý	1966	ThS. Ngữ văn	Văn học Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản...
7	Lê Văn Mẫu	1973	ThS. Ngữ văn	- Văn học Trung Quốc, - Văn học Đông Nam Á, - Mỹ học...
8	Bùi Văn Thanh	1976	ThS. Ngữ văn	- Văn học Nga, Phương Tây, - Ngữ pháp Tiếng Việt, - Từ vựng ngữ nghĩa, - Văn hóa học, -Thi pháp
9	Huỳnh Thị Ngọc Kiều	1976	ThS. Phương pháp giảng dạy	- Phương pháp giảng dạy Ngữ văn, - Tiếng Việt, - Lý luận văn học, - RLNV môn Văn, - Văn học Việt Nam
11	Trần Thị Thu	1982	ThS. Ngữ văn	- Văn học Việt Nam, - Lý luận văn học
13	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	1986	Cử nhân Hán Nôm ThS. Văn hóa học	- Hán Nôm, - Văn hóa học, - Cơ sở văn hóa Việt Nam

10.2 Danh sách đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Học phần sẽ giảng dạy

1	Trương Hồng Hòa	1957	Cử nhân Ngữ văn	- Văn hóa học, - Cơ sở văn hóa Việt Nam
2	Hồ Thị Thủy	1957	ThS. Ngôn ngữ	- Ngữ pháp Tiếng Việt, - Ngữ dụng học
3	Nguyễn Đình Liên	1959	Cử nhân Ngữ văn	- Đại cương ngữ âm - Tiếng Việt

11. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

11.2. Thư viện: Sinh viên được mượn giáo trình, tài liệu tham khảo tại Trung tâm thông tin tư liệu của nhà trường và được sử dụng các thiết bị học tập cần thiết.

11.3. Giáo trình, bài giảng:

TT	Tên giáo trình, bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB
1	Giáo trình Văn học dân gian	Hoàng Tiến Tựu	Giáo dục	1978
2	Lịch sử VHVN	Nhiều tác giả	Giáo dục	1978
3	Dẫn luận ngôn ngữ học	Nguyễn Thiện Giáp	Giáo dục	1997
4	Tiếng Việt- Đại cương Ngữ âm	Bùi Minh Toán- Đặng Thị Lanh	ĐHSP	2004
5	Văn học Trung đại T1, T2	Đinh Gia Khánh,…	ĐH&GDCN	1992
6	VHVN nửa cuối TK XVIII- TK XX	Nguyễn Lộc	Giáo dục	1999
7	Từ vựng học Tiếng Việt	Đỗ Hữu Châu	ĐHSP	2004
8	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết	Giáo dục	1997
9	Văn bản	Diệp Quang Ban	ĐHSP	2005
10	Phong cách học Tiếng Việt	Cù Đình Tú	Giáo dục	1982
11	Hệ thống liên kết văn bản TV	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục	2006
12	Ngữ pháp văn bản và việc dạy làm văn	Nguyễn Trọng Báu	Giáo dục	1985
13	Ngữ dụng học	Đỗ Hữu Châu- Đỗ Việt Hùng	ĐHSP	2007
14	Thơ văn Phan Bội Châu	Đặng Thái Mai	Văn hóa	1959
15	VHVN 1900- 1930	Trần Đình Hượu- Lê Chí Dũng	ĐH&GDCN	1988
16	Thi nhân Việt Nam	Hoài Thanh- Hoài Chân	Văn học	1988
17	Văn học lãng mạn Việt Nam	Phan Cự Đệ	Giáo dục	1997

18	Nhà văn Việt Nam hiện đại…	Nguyễn Đăng Mạnh	Trẻ	2000
19	Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn	Nguyễn Đăng Mạnh	Giáo dục	1978
20	Thi pháp thơ Tố Hữu	Trần Đình Sử	Tác phẩm mới	1987
21	Chế Lan Viên- về TG và TP	Nhiều tác giả	Giáo dục	2000
22	Tiểu thuyết VN hiện đại T1, T2	Phan Cự Đệ	ĐH&GDCN	1986
23	Nguyễn Khải về tác gia tác phẩm	Nhiều tác giả	Giáo dục	2001
24	Nguyễn Minh Châu- con người và tác phẩm	Nhiều tác giả	Hội nhà văn	1991
25	Nửa thế kỷ thơ VN 45-95	Vũ Tuấn Anh	KHXH	1997
26	Thơ trữ tình Việt Nam 75-90	Lê Lưu Oanh	ĐHQG HN	1998
27	Hồ Chí Minh- TG, TP - Nghệ thuật ngôn từ	Nguyễn Như Ý (tuyển chọn)	Giáo dục	1997
28	Xuân Quỳnh, Bằng Việt, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Duy	Nguyễn Trọng Hoàn	Giáo dục	1999
29	Giáo trình Văn học trẻ em	Lã Thị Bắc Lý	ĐHSP	2002
30	Lý luận văn học T1, T2, T3	Nhiều tác giả	ĐHSP	2008
31	Nghiên cứu văn học	Nguyễn Văn Dân	Giáo dục	1999
32	Phương pháp luận NCKH	Vũ Cao Đàm	Giáo dục	1999
33	Văn học Trung quốc T1,T2	Sở Nghiên cứu VHTQ	Giáo dục	1997-1998
34	Văn học Trung Quốc T1, T2	Nguyễn Khắc Phi-Lương Duy Thứ	Giáo dục	1998
35	Văn học Đông Nam Á	Lưu Đức Trung (chủ biên)	Giáo dục	1999
36	Lịch sử Văn học Nga T1, T2	Nhiều tác giả	Giáo dục	1993-1998
37	Giáo trình Văn học thế giới T1, T2	Lưu Đức Trung (chủ biên)	ĐHSP	2007
38	Văn học Phương Tây	Nhiều tác giả	Giáo dục	1999
39	Văn học Phương Tây thế kỷ XVIII	Phùng Văn Tửu-Đỗ Ngoạn	ĐH&THCN	1983
40	Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà	VHTT	1994
41	Tuyển tập 40 năm Tạp chí Văn học	Viện Văn học	TP.HCM	1999

	1960-1999			
42	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục	1999
43	Địa chí Tỉnh Quảng Ngãi	Nhiều tác giả	Thế giới	2005
44	Hán Việt từ điển	Thiều Chửu	VHTT	1999
45	Giáo trình Hán Văn	Chu Thiên	TP.HCM	2002
46	Một số vấn đề của chữ Nôm	Nguyễn Khuê	TP.HCM	1999

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ GD & ĐT có bổ sung khối kiến thức chuyên ngành sư phạm ngữ văn làm cơ sở cho sinh viên sau này học liên thông lên trình độ đại học.

Trong quá trình thực hiện chương trình, giảng viên cần lưu ý đảm bảo các yêu cầu về điều kiện tiên quyết, tính hợp lý, tính liên tục, tính kế thừa giữa các học phần. Giảng viên giảng dạy học phần của môn học phải giới thiệu cho sinh viên giáo trình chính và các tài liệu tham khảo của học phần đó.

Để hoàn thành chương trình, sinh viên phải tích lũy đủ 112 tín chỉ. Những học phần có điều kiện tiên quyết thì học phần tiên quyết phải được tích lũy trước khi đăng ký học học phần đó. Sinh viên được tư vấn trong việc chọn các học phần tự chọn.

HIỆU TRƯỞNG